

Bản án số: 82/2021/DS-PT

Ngày: 12 - 5 - 2021

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất liền kề.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Th phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Công Phương

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Thắm.

Ông Nguyễn Thanh Tu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyên Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị V - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2021/TLPT-DS ngày 02 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp quyền sử dụng đất liền kề.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2021/DS-ST ngày 15 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã A bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 106/2020/QĐ-PT ngày 01 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc Th; cư trú tại: Đội 7, thôn H, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Mạnh Tu; cư trú tại: Đội 9, thôn K, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Huỳnh Thị Ng; cư trú tại: Đội 9, thôn K, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Đại diện theo ủy quyền của bà Ng: Ông Nguyễn Mạnh Tu (Giấy ủy quyền ngày 10/5/2021)

2. Vợ chồng ông Nguyễn Hữu Hư và bà Nguyễn Thị Mỹ V.
3. Bà Nguyễn Thị M (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).
4. Bà Nguyễn Lâm Ni (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).
5. Ông Nguyễn Đức T (bị bệnh tâm thần).

Cùng cư trú tại: Đội 7, thôn H, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Đại diện theo ủy quyền của ông Hư: Bà Nguyễn Thị Mỹ V (Giấy ủy quyền ngày 10/5/2021)

Người giám hộ của ông T: Ông Nguyễn Ngọc Th; cư trú tại: Đội 7, thôn H, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

- Người kháng cáo của: Ông Nguyễn Ngọc Th là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc Th trình bày:

Thửa đất số 403, tờ bản đồ số 3, diện tích 560m² (trong đó 200m² đất ở, 360m² đất vườn) do vợ chồng ông mua sau năm 1985, không nhớ tên người bán (đã chết), khoảng năm 1989 vợ chồng ông xây dựng nhà, đến năm 1992 ông kê khai và được UBND huyện A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 233QSDĐ/I10. Khoảng năm 1993, vợ chồng ông Nguyễn Mạnh Tu mua nhà đất của ông Nguyễn Xuân B ở hướng Đông thửa đất của ông, sau khi mua nhà ông Tu cho vợ chồng con trai Nguyễn Hữu Hư, Nguyễn Thị Mỹ V ở. Lúc đó ranh giới giữa thửa đất của ông và thửa đất ông Tu là hàng rào cây chè thẳng từ trước ra sau, khi Nhà nước dự định mở rộng đường 636 Bình Định-Lai Nghi thì cắm cột mốc từ đường bê tông vào đất của ông khoảng 8,4m ở phần ranh giới chính giữa đất của ông và đất ông Tu. Năm nào không nhớ, giữa ông và vợ chồng anh Hư thống nhất dỡ hàng rào chè, xây hàng rào lưới B40 chung từ sau cột mốc đến hết phần đất ở hướng Nam, còn phần đất từ cột mốc ra đến đường bê tông ở hướng Bắc thì vẫn giữ nguyên hàng rào cây chè. Khoảng năm 2006, ông Tu dỡ toàn bộ nhà cấp 4 và xây dựng lại ngôi nhà như hiện nay, khi xây dựng nhà không làm ảnh hưởng đến hàng rào và phần đất của ông. Năm 2010 khi vợ chồng ông đưa con vào TP. HCM chữa bệnh thì vợ chồng Hư, V dỡ hàng rào cây chè, cột mốc ở đầu hướng Bắc rồi xây nhà kho để chứa bột mỳ, làm hiên, xây trụ điện có lán qua đất của ông có chiều rộng mặt sau (tường nhà kho) 0,39m, chiều rộng mặt trước (trụ điện) là 0,40m, chiều dài hướng Đông 8,43m, chiều dài hướng Tây 8,39m, tổng diện tích là 3,4m². Đến đầu năm 2019, khi ông Tu làm thủ tục tặng nhà đất cho con là vợ chồng Nguyễn Hữu Hư, Nguyễn Thị Mỹ V thì Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã A thông báo cho ông ký xác nhận ranh giới liền kề nhưng ông không đồng ý ký vì ông Tu và vợ chồng bà V, ông Hư lấn đất của ông nên ông khởi kiện. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Th xác định thửa đất của ông theo sơ

đo đo vẽ ngày 07.9.2007 có chiều rộng cạnh hướng Bắc là 14m nhưng qua đo đạc chỉ còn 12,85m và diện tích đất của ông Tu tăng là do lấn đất của ông nên yêu cầu vợ chồng ông Tu, bà Ng và vợ chồng ông Hư, bà V phải tháo dỡ phần vách tường nhà kho, mái hiên, trụ điện và trả lại cho ông phần đất lấn chiếm là 3,4m², ông không đồng ý giải quyết bằng thanh toán giá trị.

Bị đơn ông Nguyễn Mạnh Tu trình bày:

Nhà, đất tại thửa đất số 402, tờ bản đồ số 3 tọa lạc tại Đội 7, thôn H, xã N do vợ chồng ông mua lại của Nguyễn Văn Bắc vào năm 1994 có diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 670m². Sau khi mua vợ chồng ông vẫn sử dụng đúng ranh giới, vị trí thửa đất, không thay đổi hiện trạng gì nhưng đến năm 2005 khi đo đạc để làm sổ đỏ thì diện tích chỉ còn 487m², thiếu 183m², việc thiếu đất cán bộ giải thích do sai sót trong quá trình đo đạc nên ông bà không có ý kiến và được UBND huyện A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02254/QSĐĐ/I ngày 24/11/2005, thửa số 402, tờ bản đồ số 03, diện tích 487m² (trong đó 200m² đất ở, 287m² đất vườn). Năm 1996 vợ chồng ông giao nhà đất cho vợ chồng con trai Nguyễn Hữu Hư, Nguyễn Thị Mỹ V ở còn vợ chồng ông về ở tại nhà đất thôn K, xã N. Thửa đất của ông Th đang sử dụng là thửa 403, ở phía Tây thửa đất của vợ chồng ông, từ lúc mua nhà đất thì giữa thửa đất của ông (thửa 402) và thửa đất ông Th (thửa 403) có ranh giới là hàng rào cây táo nhọn và cây thuốc hàng thẳng từ trước ra sau. Đến khoảng tháng 3/2005, ông Th phá hàng rào cây sống và xây hàng rào (trụ xi măng cốt thép, tường gạch cao khoảng 50cm phía trên rào lưới B40) ở phía Bắc từ đoạn đường bê tông vào đến sát bờ tường gian nhà trước của ông mua năm 1994 (hiện trạng hiện nay là bức tường nhà kho của vợ chồng Hư). Còn đoạn hàng rào xây lưới B40 từ mép gian nhà sau (nhà cũ) của ông (hiện trạng hiện nay là bức tường nhà chính của vợ chồng Hư xây dựng năm 2006) đến hết phần đất ở phía Nam thì giữa vợ chồng Hư, V và ông Th cùng bỏ tiền xây chung. Thời điểm xây hàng rào ở đầu hướng Bắc và hướng Nam thì đoạn hàng rào cây sống chính giữa (đoạn phía trong nhà kho của vợ chồng Hư) ông Th cũng dỡ bỏ nhưng không xây hàng rào lưới B40 mà phải nền láng xi măng giáp với vách tường nhà cũ của ông để bỏ mai. Trong quá trình xây dựng hàng rào chung và lát gạch ở đoạn chính giữa thì ông Th có lấn qua đất của ông khoảng 1- 2 tấc, ông có gặp ông Th trao đổi thì ông Th nói “đất của tôi muốn xây sao xây”, do sợ tổn thương tình làng xóm, việc lấn 1-2 tấc cũng không to lớn gì nên vợ chồng ông bỏ qua.

Năm 2006, vợ chồng Hư, V dỡ toàn bộ nhà cũ do ông Bắc xây dựng năm 1987 và xây lại nhà mới tại vị trí nhà cũ, nhà xây dài thêm về hướng Nam (lúc này giữa hai thửa đất đã có hàng rào lưới B40), lúc vợ chồng Hư, V xây nhà thì ông có đến trông coi, sau khi xây nhà thì vợ chồng Hư, V xây nhà kho, hiên chài. Thời điểm xây có mặt ông Th ở nhà, ông Th không có ý kiến, tranh chấp. Sau khi vợ chồng Hư, V xây nhà kho xong thì ông Th dỡ bỏ 1 phần hàng rào lưới B40 sát vách tường nhà kho của vợ chồng Hư, V và lấy vách tường nhà kho (hiện ông Th

đang tranh chấp) làm ranh giới, còn phần hàng rào lưới B40 phía trước nhà kho và phía sau ông Th vẫn để nguyên. Khoảng năm 2007, vợ chồng Hư, V dựng trụ điện bằng xi măng cốt thép, phía trên là trụ sắt tròn, trụ điện nằm trên phần đất của vợ chồng ông, sát tường rào lưới B40 của ông Th xây.

Từ trước đến nay, giữa gia đình ông và ông Th không có mâu thuẫn, tranh chấp, đến cuối năm 2018 vợ chồng ông làm thủ tục tặng cho thửa đất 402 cho vợ chồng Nguyễn Hữu Hư, Nguyễn Thị Mỹ V thì ông Th không đồng ý ký ranh giới liền kề và làm đơn kiện. Ông xác định vợ chồng ông và vợ chồng con trai Hư, V không có lấn đất của ông Th, vợ chồng Hư, V xây dựng nhà trên phần đất của vợ chồng ông, khi xây dựng nhà giữa 02 thửa đất 402 và 403 đã có ranh giới là tường rào lưới B40 từ trước đến nay nên ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Th. Ông không có tranh chấp phần đất mà ông Th lấn qua khi xây dựng hàng rào chung và lát gạch để bỏ mai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Nguyễn Hữu Hư, bà Nguyễn Thị Mỹ V trình bày: Thống nhất như lời trình bày của ông Tu về nguồn gốc nhà đất, năm 1996 cha mẹ cho vợ chồng ông bà ở tại nhà đất của cha mẹ. Phía Tây nhà đất của cha mẹ giáp với đất của ông Nguyễn Ngọc Th, ranh giới giữa 02 thửa đất là hàng rào cây sống. Đến năm 2005, ông Th phá bỏ hàng rào cây sống đoạn từ đường bê tông vào khoảng 8m thì ông Th tự xây hàng rào lưới B40 sát với tường nhà cũ của cha mẹ (hiện nay là vách tường nhà kho của vợ chồng ông bà mà ông Th tranh chấp), phía trong tường nhà cũ của cha mẹ thì ông Th giữ lại một đoạn hàng rào cây sống, từ trong đoạn này trở vào đến cuối thửa đất thì hai bên cùng xây hàng rào lưới B40 chung. Sau đó ông Th tiếp tục chặt bỏ đoạn hàng rào cây sống chính giữa còn lại rồi lát gạch sát với bờ tường nhà cũ của cha mẹ để làm nơi bỏ mai. Trong quá trình xây hàng rào lưới B40 chung và lát gạch bỏ mai thì ông Th có lấn qua đất của cha mẹ khoảng 1 – 2 tấc, vợ chồng ông bà và cha mẹ có nói ông Th nhưng ông không chịu, vì nghĩ tình làng nghĩa xóm nên vợ chồng ông bà và cha mẹ bỏ qua. Đến năm 2006 vợ chồng ông bà dỡ toàn bộ ngôi nhà cũ của cha mẹ và xây dựng lại nhà mới trên nền móng cũ. Vì đoạn ranh giới chính giữa ông Th lát gạch xéo qua phần đất của cha mẹ nên khi xây dựng lại nhà mới thì vợ chồng ông bà xây lùi vào hướng Nam, còn đoạn cong này vợ chồng ông bà xây dựng nhà kho sát với hàng rào lưới B40 của ông Th. Không nhớ thời gian nào ông Th đã dỡ bỏ 01 đoạn hàng rào lưới B40 sát với vách tường nhà kho và lấy vách tường nhà kho của ông bà làm ranh giới (hiện ông Th tranh chấp). Khoảng năm 2013, vợ chồng ông bà bắc trụ điện bê tông ở bên phía đất của cha mẹ nhưng nằm ngoài lộ giới đường 636B, không có lấn đất của ông Th. Khi vợ ông bà xây dựng nhà, nhà kho thì ông Th không có ý kiến gì, trong quá trình ở cũng không có tranh chấp. Đến năm 2019 cha mẹ làm thủ tục tặng cho đất cho vợ ông bà, khi làm thủ tục để cấp sổ đỏ thì ông Th không ký xác nhận ranh giới liền kề và tranh chấp. Diện tích đất của cha mẹ hiện tăng là do trong quá trình xây chuồng heo, xây bờ tường ông bà đã xây lấn đất ruộng ở hướng Đông

Nam. Ông bà xác định không có lần đất của ông Th nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Th.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Ng trình bày: Thống nhất như lời trình bày và ý kiến của ông Nguyễn Mạnh Tu, bà không có ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M trình bày: Bà là vợ ông Th, thống nhất theo yêu cầu khởi kiện và ý kiến của ông Nguyễn Ngọc Th.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Lâm Ni trình bày: Thống nhất theo yêu cầu khởi kiện và ý kiến của ông Nguyễn Ngọc Th.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2021/DS-ST ngày 15/01/2021 của Tòa án nhân dân thị xã A quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc Th về việc buộc vợ chồng ông Nguyễn Mạnh Tu, bà Huỳnh Thị Ng, vợ chồng ông Nguyễn Hữu Hưởng, bà Nguyễn Thị Mỹ V phải tháo dỡ vách tường nhà kho, mái hiên, trụ điện và phải trả lại phần đất lấn chiếm là 3,4m²

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 15/01/2021, ông Nguyễn Ngọc Th có đơn kháng cáo toàn bộ bản án, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử buộc ông Nguyễn Mạnh Tu tháo dỡ nhà kho và trụ điện xây dựng trái phép trên phần đất lấn chiếm của gia đình ông Nguyễn Ngọc Th là 3,4m².

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc Th. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 24/2021/DS-ST ngày 15/01/2021 của Tòa án nhân dân thị xã A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX phúc thẩm nhận định:

[1] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc Th, HĐXX thấy rằng: Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc là có căn cứ, bởi lẽ:

[1.1] Thứ nhất: Trước năm 2005 giữa hai thửa đất 402 và 403 tờ bản đồ số 7 (nay là tờ bản đồ số 3) của hộ ông Nguyễn Ngọc Th và hộ ông Nguyễn Mạnh Tu đã có ranh giới là cây chè, táo nhơn và cây thuốc hàng. Năm 2005, hai bên đã cùng nhau chặt phá hàng rào cây sống và xây hàng rào trụ xi măng cốt thép, tường gạch phía trên rào lưới B40, có đoạn chỉ có lưới B40 và có một đoạn không có tường rào mà ông Th phải xi măng để bỏ mai. Năm 2006, vợ chồng ông Hư và bà V dỡ toàn bộ nhà cũ xây lại nhà mới tại vị trí nhà cũ, nhà xây dài thêm về hướng Nam và xây nhà kho sát với hàng rào lưới B40 của ông Th (lúc này giữa hai thửa đất đã có hàng rào lưới B40). Năm 2013, vợ chồng ông Hư xây trụ điện bê tông phía trên là trụ sắt tròn, sát tường rào lưới B40 của ông Th. Quá trình vợ chồng ông Hư xây dựng và sử dụng các công trình nói trên cho đến năm 2019, hộ gia đình ông Th không có ý kiến, hay tranh chấp gì. Điều đó chứng tỏ hộ gia đình ông Th mặc nhiên thừa nhận ranh giới giữa 02 thửa đất như hiện trạng hiện nay. Ông Th cho rằng khi vợ chồng ông Hư, bà V xây nhà kho thì gia đình ông không có ai ở nhà vì phải đi chữa bệnh cho anh T là không có căn cứ, bởi lẽ chứng cứ mà ông Th cung cấp chỉ thể hiện anh T điều trị bệnh tâm thần phân liệt ngoại trú trong năm 2018 và năm 2019 (BL: 61, 61A).

[1.2] Thứ hai: Theo Bản khai quyền sở hữu nhà ở ngày 26/11/1994, sơ đồ nhà ở đo vẽ ngày 28/11/1994 (BL: 97, 98), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: 132/QSDĐ/I 10 ngày 23/10/1992 (BL: 89), do Ủy ban nhân dân huyện A cấp cho của ông Nguyễn Văn Bắc và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 02254/QSDĐ/I ngày 24/11/2005, do Ủy ban nhân dân huyện A cấp cho vợ chồng ông Nguyễn Mạnh Tu và bà Huỳnh Thị Ng (BL: 96) thì thửa đất số 402, tờ bản đồ số 3 có kích thước chiều rộng mặt trước là 16,3m, nhưng theo đo đạc thực tế thì hiện nay là 15,94m (thiếu 0,36m), còn diện tích lại tăng lên 10,5m². Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 233/QSDĐ/I10 ngày 23/10/1992 do UBND huyện A cấp ông Nguyễn Ngọc Th (BL: 01) và Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 25/9/1992 của ông Nguyễn Ngọc Th (BL: 108) thửa đất số 403, tờ bản đồ số 3 không thể hiện kích thước các cạnh của thửa đất (BL: 140), nhưng theo đo đạc thực tế thì diện tích lại thiếu 60m² (BL: 71, 72, 73). Ông Th cho rằng chiều rộng của thửa đất số 403 có kích thước 14m và đưa ra sơ đồ bản vẽ sơ đồ hiện trạng nhà và đất của ông ngày 07/9/2007 để chứng minh (BL: 149). Tuy nhiên, tại Biên bản xác minh ngày 08/12/2020 thì ông Đoàn Phan Điện (nguyên trước đây là cán bộ địa chính xã N từ năm 2000 đến năm 2007) đã cho biết: “ ... Vào ngày 07/9/2007, hộ ông Nguyễn Ngọc Th làm hồ sơ vay vốn có yêu cầu địa chính xã N lập sơ đồ hiện trạng đất bổ sung nhà ở trong sơ đồ đất để đủ điều kiện cho vay. Lúc đó tôi trích đo cạnh từ bản đồ số lưu tại phần mềm máy tính, có đưa kích thước nhà đất theo số liệu do ông Th cung cấp vào sơ đồ chứ tôi không có đến hiện trạng thửa đất để đo thực tế...” (BL: 150), điều đó chứng tỏ ông Th tự khai chiều rộng thửa đất số 403 là 14m, còn thực tế theo đo đạc ngày 10/10/2019 của Hội đồng đo đạc, định giá thì chỉ là 12,85m. Như vậy, không thể

xảy ra việc gia đình ông Tu lấn đất của gia đình ông Th, vì thực tế chiều rộng của thửa đất số 402 bị thiếu 0,36m, còn diện tích đất tăng lên là do trong quá trình sử dụng đất vợ chồng ông Hư và bà V đã lấn đất ruộng của người khác về phía nam. Còn việc đất của gia đình ông Tu bị thiếu là có thể do quá trình sử dụng đất có biến động, chẳng hạn như khi vợ chồng ông Tu nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Bắc thì trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: 132/QSDĐ/I 10 ngày 23/10/1992 ghi thửa đất số 402 có diện tích là 670m², nhưng khi đo đạc thực tế để cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Tu vào năm 2005, thì thửa đất chỉ còn lại là 487m². Hơn nữa, vị trí đất đang tranh chấp hiện nay đang nằm trong đất hành lang an toàn giao thông. Do đó, việc gia đình ông Th cho rằng gia đình ông Tu lấn đất của gia đình mình là không có căn cứ.

[2] Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc Th là không có căn cứ nên không được HĐXX chấp nhận. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2021/DS-ST ngày 15/01/2021 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định.

[3] Về án phí, chi phí tố tụng khác:

[3.1] Về án phí: Theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV thì ông Nguyễn Ngọc Th được miễn toàn bộ án phí.

[3.2] Về chi phí tố tụng khác: Chi phí đo đạc định giá là tại chỗ là 2.000.000 đồng. Theo quy định tại Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ông Nguyễn Ngọc Th phải chịu số tiền này và ông Th đã nộp chi xong.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm và về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 157, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 163 Bộ luật dân sự 2015; Điều 166, 167, 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc Th. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2021/DS-ST ngày 15/01/2021 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc Th về việc buộc vợ chồng ông Nguyễn Mạnh Tu, bà Huỳnh Thị Ng, vợ chồng ông Nguyễn Hữu Hư, bà Nguyễn Thị Mỹ V phải tháo dỡ phần vách tường nhà kho, mái hiên, trụ điện và trả lại phần đất lấn chiếm là 3,4m².

2. Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm: Ông Nguyễn Ngọc Th được miễn toàn bộ án phí.

3. Chi phí tố tụng khác: Ông Th phải chịu 2.000.000đ chi phí đo đạc, định giá T sản. Số tiền này ông Th đã nộp chi xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND thị xã A;
- CCTHADS thị xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Công Phương

